TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày 27-02-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Trần Thị Thúy Lợi.
-Thư ký phiên tòa:
Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 5, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Do ông Đỗ Huy N, sinh năm 1987; địa chỉ: Làng K, xã Ia G, huyện C, tỉnh Gia Lai, làm đại diện theo ủy quyền *(theo Giấy ủy quyền số: 3441 quyển số: 12/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022, công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai).* Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị Thanh H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 29/4B, đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-10-2022 và bản tự khai đề ngày 17/10/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị S và bà Cao Thị Thanh H có quan hệ làm ăn với nhau. Ngày 10-11-2021, bà H có vay của bà S số tiền là: 68.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà H có viết giấy vay tiền và hứa trả nợ trong thời gian 03 tháng. Đến hạn, bà S đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả tiền cho bà S, mà còn thách thức bà S đưa ra pháp luật.

Bà Sửa làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị Thanh H phải trả cho bà S toàn bộ số tiền nợ gốc là: 68.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2022 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 06/02/2023, bị đơn là bà Cao Thị Thanh H trình bày: Tôi và bà S có mối quan hệ là hàng xóm. Do tiêu xài sinh hoạt cá nhân nên ngày 10-11-2021, tôi có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền là: 68.000.000 đồng. Khi vay tiền, tôi có viết giấy vay tiền và ký xác nhận nợ vay, không lãi suất. Hiện nay tôi đã trả cho bà S được số tiền là: 8.000.000 đồng; số tiền còn lại tôi chưa có khả năng thanh toán, vì điều kiện kinh tế khó khăn. Tôi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 10-11-2021, bà H có vay của bà S số tiền là: 68.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền hẹn sẽ trả trong thời hạn 3 tháng, nhưng khi đến hạn bà H không trả. Sau khi bà S khởi kiện thì bà H trả cho bà S được 8.000.000 đồng tiền nợ gốc nên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Cao Thị Thanh Hphải trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S số tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 10%/năm của số tiền gốc 68.000.000 đồng tính từ ngày 10-5-2022 đến ngày trả nợ gốc 8.000.000 đồng (30-10-2022); tiền lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng tính từ ngày 31-10-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P; Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà Cao Thị Thanh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà H không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chứng cứ gốc do bà Nguyễn Thị S giao nộp cho Tòa án là 01 tờ giấy có tiêu đề là *"Giấy mượn tiền"*, nội dung thể hiện việc bà Cao Thị Thanh H có mượn của bà Nguyễn Thị S số tiền là 68.000.000 đồng. Nhưng bản chất là quan hệ vay tài sản, vì bà S đã giao tài sản là tiền cho bà H, sau đó bà H đã trở thành chủ sở hữu số tiền đó kể từ ngày nhận tiền; trong quá trình tham gia tố tụng, bà S và bà H đều thống nhất trình bày việc bà H có vay tiền của bà S. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà Sửa và bà H đều thống nhất thời hạn vay tiền là 03 tháng kể từ ngày 10-11-2021, nhưng hết thời hạn đó, bà H không trả nợ tiền cho bà Sửa. Ngày 15-6-2022, bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ tiền, là trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Khi xác lập hợp đồng vay tiền, bà S và bà H đều có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tiền giữa bà Sửa và bà H có hiệu lực.

[6] Bà S và bà H thống nhất với nhau về việc sau khi bà S khởi kiện thì bà H đã trả cho bà H được 8.000.000 đồng tiền nợ gốc và hiện nay còn nợ số tiền 60.000.000 đồng nợ gốc.

[7] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Sửa với bà H là Hợp đồng vay có kỳ hạn. Trước khi khởi kiện, bà Sửa đã thông báo trước cho bà H về thời gian trả nợ và nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H trả nợ tiền, nhưng đến nay bà H không trả, là vi phạm hợp đồng và làm phát sinh nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà S được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ số tiền đã vay là: 60.000.000 đồng. Trong Giấy mượn tiền, hai bên không thể hiện lãi suất vay; tại bản tự khai ngày 06-02-2023, bà H ghi ý kiến là Bà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S. Hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp đồng vay không có lãi suất, khi đến hạn bên vay không trả nợ đầy đủ nên theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Thời gian xác định nợ gốc quá hạn là sau 03 tháng, kể từ ngày ngày 10-11-2021, nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất từ ngày 10-5-

2022, là sau thời gian đến hạn trả nợ gốc. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung mức yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận. Tiền lãi suất cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc 68.000.000 đồng được tính lãi suất từ ngày 10-5-2022 đến ngày bị đơn trả 8.000.000 đồng nợ gốc (30-10-2022) là 173 ngày, mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là:

68.000.000 đồng x 10% x 173 ngày = 3.223.014 đồng.

Số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng được tính lãi suất từ ngày 31-10-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (27-02-2023) là 120 ngày, mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là:

60.000.000 đồng x 10% x 120 ngày = 1.972.603 đồng.

Tổng số tiền lãi suất là: 5.195.617 đồng.

Từ những nhận định tại các luận điểm trên đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Cao Thị Thanh H phải trả số tiền là: 65.195.617 đồng (trong đó: 60.000.000 đồng tiền gốc và 5.195.617 đồng tiền lãi suất) cho bà Nguyễn Thị S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Cao Thị Thanh H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.260.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà S số tiền là: 2.012.000 (bằng chữ: Hai triệu không trăm mười hai nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo theo Biên lai số 0002563 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng